

HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

NGÀNH CHĂN NUÔI THÚ Y

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

TY03014 - VỆ SINH THÚ Y 1

(Veterinary Hygiene 1)

I. Thông tin về học phần

- Học kì: 6
- Tín chỉ: 2 (Lý thuyết 1,5 – Thực hành 0,5)
- Tự học: 6 tín chỉ
- Giờ tín chỉ đổi với các hoạt động học tập:
 - + Học lý thuyết trên lớp: 22 tiết
 - + Làm bài tập trên lớp: 0 tiết
 - + Thuyết trình và thảo luận trên lớp: 4,0 tiết
 - + Thực hành trong phòng thí nghiệm: 16 tiết (tương đương 8 tiết chuẩn)
- Tự học: 90 tiết (theo kế hoạch cá nhân hoặc hướng dẫn của giảng viên)
- Đơn vị phụ trách:
 - Bộ môn: Thú y Cộng đồng
 - Khoa: Thú y
- Học phần thuộc khối kiến thức:

Đại cương		Chuyên ngành <input checked="" type="checkbox"/>						
Bắt buộc	Tự chọn	Cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Chuyên ngành <input checked="" type="checkbox"/>		Chuyên sâu <input type="checkbox"/>		
		Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc
		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

- Học phần học song hành: TY03011- Ký sinh trùng thú y 1
- Học phần tiên quyết: CN02303- Sinh lý động vật 1
- Ngôn ngữ giảng dạy: tiếng Anh Tiếng Việt

II. Mục tiêu và kết quả học tập mong đợi

* **Mục tiêu:** Học phần nhằm cung cấp cho sinh viên kiến thức lý thuyết và kỹ năng thực hành chuyên môn về việc áp dụng các nguyên lý khoa học nhằm thiết lập, duy trì môi trường sống phù

hợp với động vật nuôi, giảm thiểu các yếu tố rủi ro do tác động bất lợi của môi trường vì mục đích nâng cao năng suất chăn nuôi, chất lượng vệ sinh thực phẩm, phòng chống dịch bệnh. Rèn luyện khả năng tự học, có khả năng áp dụng các nguyên tắc vệ sinh thú y trong chăn nuôi, giết mổ, chế biến thực phẩm nguồn gốc động vật.

* Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Kết quả học tập mong đợi của chương trình Cử Nhân Chăn nuôi thú y

Sau khi hoàn thành chương trình, sinh viên có thể:

Kiến thức chung	CĐR 1: Áp dụng các kiến thức khoa học tự nhiên, xã hội và sự hiểu biết về các vấn đề đương đại vào lĩnh vực Chăn nuôi và Thủ y;
Kiến thức chuyên môn	CĐR 2: Phân tích các yếu tố tác động đến nuôi dưỡng, phòng và điều trị bệnh cho vật nuôi; CĐR 3: Đánh giá hiệu quả chăn nuôi, phòng và điều trị bệnh cho vật nuôi; CĐR 4: Thiết kế các chương trình sản xuất chăn nuôi, phòng và điều trị bệnh cho vật nuôi đảm bảo lợi ích kinh tế, môi trường và phúc lợi động vật;
Kỹ năng chung	CĐR 5: Vận dụng kỹ năng tư duy sáng tạo và kỹ năng phản biện trong nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và quản lý sản xuất ngành chăn nuôi hiệu quả; CĐR 6: Phối hợp làm việc nhóm trong hoạt động chuyên môn đạt mục tiêu đề ra ở vị trí là thành viên hay nhà quản lý; CĐR 7: Giao tiếp hiệu quả bằng đa phương tiện, thích nghi với môi trường đa văn hóa; đạt chuẩn tiếng Anh theo qui định của Bộ GD&ĐT.
Kỹ năng chuyên môn	CĐR 8: Vận dụng các kỹ năng khảo sát, thu thập và xử lý thông tin phục vụ NCKH và nhu cầu của thực tiễn nghề nghiệp một cách hiệu quả; CĐR 9: Ứng dụng về kỹ thuật và công nghệ trong phát triển chăn nuôi bền vững; CĐR 10: Sử dụng công nghệ thông tin và các trang thiết bị hiện đại của ngành Chăn nuôi, Thủ y phục vụ sản xuất, kinh doanh đạt mục tiêu đề ra; CĐR 11: Thực hiện thành thạo các quy trình kỹ thuật chăm sóc, nuôi dưỡng, phòng và điều trị bệnh cho vật nuôi;
Thái độ và phẩm chất đạo đức	CĐR 12: Tuân thủ pháp luật, quy định nội bộ và chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp CĐR 13: Thể hiện trách nhiệm bảo vệ môi trường, sức khỏe cộng đồng và tôn trọng phúc lợi động vật CĐR 14: Thể hiện tinh thần học tập suốt đời

*** Kết quả học tập mong đợi của học phần:**

Học phần đóng góp cho Chuẩn đầu ra sau đây của CTĐT theo mức độ sau:

I – Giới thiệu (Introduction); P – Thực hiện (Practice); R – Củng cố (Reinforce); M – Đạt được (Master)

Mã HP	Tên học phần	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT						
		CDR1	CDR2	CDR3	CDR4	CDR5	CDR6	CDR7
TY03014	Vệ sinh thú y 1	M	P				P	
		CDR 8	CDR 9	CDR 10	CDR 11	CDR 12	CDR 13	CDR 14
						P		

Ký hiệu	KQHTMD của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên thực hiện được	CDR của CTĐT
Kiến thức		
K1	Áp dụng các nguyên tắc về vệ sinh môi trường không khí, môi trường nước, môi trường đất, môi trường chuồng trại vào việc xây dựng môi trường tiêu khí hậu đảm bảo tiêu chuẩn vệ sinh cho động vật nuôi, đồng thời có biện pháp hạn chế ô nhiễm môi trường không khí, môi trường nước, môi trường đất.	CDR 2: Phân tích các yếu tố tác động đến nuôi dưỡng, phòng và điều trị bệnh cho vật nuôi;
K2	Mô tả quy trình phân tích các chỉ tiêu môi trường không khí, môi trường nước.	CDR 3: Đánh giá hiệu quả chăn nuôi, phòng và điều trị bệnh cho vật nuôi;
Kỹ năng		
K3	Phối hợp làm việc nhóm trong việc thảo luận đưa ra các biện pháp cải thiện vệ sinh môi trường chăn nuôi.	CDR 6: Phối hợp làm việc nhóm trong hoạt động chuyên môn đạt mục tiêu đề ra ở vị trí là thành viên hay nhà quản lý;
Thái độ		
K4	Tuân thủ quy định của môn học, trường học	CDR 12: Tuân thủ pháp luật, quy định nội bộ và chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp

III. Nội dung tóm tắt của học phần

TY03014 - Vệ sinh thú y 1 (Veterinary Hygiene 1). (Tổng số tín chỉ: 02, Tổng số tín chỉ lí thuyết 1.5 – Tổng số tín chỉ thực hành 0.5 – Tổng số tín chỉ tự học 06)

Các nguyên lý khoa học về vệ sinh môi trường không khí, nước, đất ứng dụng trong chăn nuôi động vật, giết mổ gia súc, gia cầm và chế biến thực phẩm nguồn gốc động vật vì mục đích

bảo vệ sức khỏe động vật nuôi, phòng chống dịch bệnh, giảm thiểu ô nhiễm thực phẩm. Các nguyên lý khoa học về vệ sinh chuồng trại, vệ sinh chăm sóc nuôi dưỡng, vệ sinh giết mổ.

IV. Phương pháp giảng dạy và học tập

1. Phương pháp giảng dạy

Thuyết trình, giao chuyên đề để sinh viên chuẩn bị, báo cáo và thảo luận trên lớp. Hướng dẫn thực hành tại phòng thí nghiệm và đánh giá kết quả báo cáo thu hoạch.

Giảng dạy trực tuyến qua E-learning/Ms team.

2. Phương pháp học tập

Dự lớp lý thuyết, chuẩn bị chuyên đề, báo cáo và thảo luận trên lớp. Tham gia thực hành, viết báo cáo thu hoạch.

Học tập trực tuyến qua E-learning/Ms team.

V. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần: Tất cả sinh viên tham dự học phần này phải dự lớp đủ thời gian quy định.
- Chuẩn bị cho bài giảng: Tất cả sinh viên tham dự học phần này phải đọc trước nội dung bài giảng Vệ sinh thú y 1.
- Thuyết trình và thảo luận: Tất cả sinh viên tham dự học phần này phải tham gia chuẩn bị chuyên đề thuyết trình và thảo luận trên lớp.
- Thực hành: Tất cả sinh viên tham dự học phần này phải tham gia đầy đủ các bài thực hành trong phòng thí nghiệm, làm báo cáo thu hoạch cá nhân.
- Thi giữa kỳ: trong quá trình học lý thuyết sẽ có ít nhất 01 bài kiểm tra đột xuất thời gian từ 10 đến 30 phút (dạng bài tự luận hoặc trắc nghiệm hoặc kết hợp cả hai)
- Thi cuối kỳ: sinh viên phải dự thi hết môn theo hình thức thi viết dạng bài tự luận hoặc trắc nghiệm hoặc kết hợp cả hai sau khi đã hoàn thành các nội dung trên.

VI. Đánh giá và cho điểm

1. Thang điểm: 10

2. Điểm trung bình của học phần là tổng điểm của các rubric nhân với trọng số tương ứng của từng rubric

- Rubric 1: 10 %
- Rubric 2: 30 %
- Rubric 3: 60 %

3. Phương pháp đánh giá

Rubric đánh giá	KQHTMD được đánh giá	Trọng số (%)	Thời gian/Tuần học
Rubric 1. Chuyên cần	K1,K2, K3	10	Tuần 1 – 7
Rubric 2. Kiểm tra giữa kỳ	K1, K2	30	Tuần 4 – 5
Rubric 3. Kiểm tra cuối kỳ	K1, K2	60	Theo lịch của Ban quản lý đào tạo

Rubric 1: Đánh giá chuyên cần (tham dự lớp)

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 8.5 – 10 điểm	Khá 6.5 – 8.4 điểm	Trung bình 4.0 – 6.4 điểm	Kém 0 – 3.9 điểm
Thái độ tham dự	50	Luôn chú ý và tích cực tham gia các hoạt động thảo luận nhóm	Khá chú ý, có tham gia	Có chú ý, ít tham gia	Không chú ý/không tham gia
Thời gian tham dự	50	Vắng 1 buổi trừ 1 điểm và không được vắng trên 2 buổi			

Rubric 2: Đánh giá giữa kì

Thi giữa kì: trắc nghiệm

Nội dung kiểm tra	Chỉ báo thực hiện của học phần được đánh giá qua câu hỏi	KQHTMD của môn học được đánh giá qua câu hỏi
Vệ sinh môi trường không khí trong chăn nuôi, giết mổ, chế biến sản phẩm động vật.	Chỉ báo 1: Trình bày được các chỉ tiêu vật lý, hóa học, vi sinh vật học của môi trường không khí. Chỉ báo 2: Trình bày phương pháp phân tích khí H ₂ S, NH ₃ có trong không khí chuồng nuôi? Chỉ tiêu 3: Xác định tiêu chuẩn vệ sinh của các chỉ tiêu khí độc trong chuồng nuôi	K1, K2
Vệ sinh môi trường nước trong chăn nuôi, giết mổ, chế biến sản	Chỉ báo 1: Trình bày chất lượng các nguồn nước trong tự nhiên. Chỉ báo 2: Trình bày định nghĩa các khái	K1, K2

phẩm động vật.	niêm DO, COD, BOD, độ cứng. Chỉ báo 3: Xác định tiêu chuẩn vệ sinh nước sử dụng trong chăn nuôi Chỉ báo 4: Mô tả các biện pháp xử lý nước.	
----------------	--	--

Rubric 3: Đánh giá cuối kì

Thi cuối kì: tự luận

Nội dung kiểm tra	Chỉ báo thực hiện của học phần được đánh giá qua câu hỏi	KQHTMD của môn học được đánh giá qua câu hỏi
Vệ sinh môi trường không khí trong chăn nuôi, giết mổ, chế biến sản phẩm động vật.	Chỉ báo 1: Trình bày được các chỉ tiêu vật lý, hóa học, vi sinh vật học của môi trường không khí. Chỉ báo 2: Trình bày phương pháp phân tích khí H_2S , NH_3 có trong không khí chuồng nuôi ? Chỉ tiêu 3: Xác định tiêu chuẩn vệ sinh của các chỉ tiêu khí độc trong chuồng nuôi	K1, K2
Vệ sinh môi trường nước trong chăn nuôi, giết mổ, chế biến sản phẩm động vật.	Chỉ báo 1: Trình bày chất lượng các nguồn nước trong tự nhiên. Chỉ báo 2: Định nghĩa các khái niệm DO, COD, BOD, độ cứng. Chỉ báo 3: Trình bày chỉ tiêu vi sinh vật trong môi trường nước Chỉ báo 4: Trình bày các bước phân tích COD, DO của môi trường nước? Chỉ báo 5: Mô tả các biện pháp xử lý nước.	K1, K2
Vệ sinh môi trường đất trong chăn nuôi, giết mổ, chế biến sản phẩm động vật.	Chỉ báo 1: Trình bày các nguyên tố khoáng có mặt trong đất. Chỉ báo 2: Trình bày sự phân bố của vi sinh vật trong môi trường đất và các yếu tố ảnh hưởng.	K1, K2
Vệ sinh chuồng nuôi, cơ sở giết mổ, chế biến sản phẩm động vật.	Chỉ báo 1: Phân tích những nguyên lý cơ bản khi xây dựng, thiết kế chuồng trại, cơ sở giết mổ, chế biến sản phẩm động vật. Chỉ báo 2: Ứng dụng những nguyên lý cơ bản để lựa chọn địa điểm, vật liệu, khoảng cách phù hợp khi xây dựng.	K1, K2

4. Các yêu cầu, quy định đối với học phần

- Tham dự các bài thi: Không tham gia kiểm tra/thi bài nào sẽ mất điểm bài đó.
- Sinh viên không tham dự đủ các buổi thực hành sẽ không đủ điều kiện dự thi.
- Yêu cầu về đạo đức: Mọi gian lận trong học tập (VD: điểm danh hộ, nhờ người đi học hộ) và thi cử (VD: sử dụng tài liệu/vật dụng không được phép, nhìn bài, trao đổi khi làm bài) sẽ bị xử lý theo quy chế chung.

VII. Giáo trình/ tài liệu tham khảo

- Giáo trình/bài giảng:

1. Phạm Hồng Ngân, Lại Thị Cúc (2018). Bài giảng Vệ sinh thú y 1. Học viện Nông nghiệp Việt Nam, 108 tr.
2. Nguyễn Thị Bích Yên, Đoàn Văn Diêm, Trần Thanh Vân (2015). Giáo trình khí tượng đại cương. NXB Đại học Nông nghiệp.

- Các tài liệu khác:

1. Vũ Đình Tôn, Lại Thị Cúc, Nguyễn Văn Duy, Đặng Vũ Bình (2008). Chất lượng nước dùng trong trang trại chăn nuôi lợn tại đồng bằng Sông Hồng. Tạp chí Khoa học Nông nghiệp Việt Nam. Số 3 – 2018, tr 279-284.
2. Tiêu chuẩn ngành thú y (2016).

VIII. Nội dung chi tiết của học phần

Tuần	Nội dung	KQHTMĐ của học phần
1-3	Chương 1. Vệ sinh môi trường không khí cơ sở chăn nuôi, giết mổ, chế biến sản phẩm động vật A/ Các nội dung chính trên lớp: (8 tiết) Nội dung GD lý thuyết: (6 tiết) <ul style="list-style-type: none"> 1.1. Khái niệm và ý nghĩa vệ sinh môi trường không khí 1.2. Tính chất vật lý của môi trường không khí và vệ sinh môi trường tiểu khí hậu <ul style="list-style-type: none"> 1.2.1. Đại cương về môi trường không khí 1.2.2. Tính chất vật lý của môi trường không khí và vệ sinh môi trường tiểu khí hậu chuồng nuôi 1.2.3. Vệ sinh môi trường tiểu khí hậu cơ sở giết mổ, chế biến sản phẩm động vật 1.3. Tính chất hóa học của môi trường không khí, vệ sinh phòng chống khí độc <ul style="list-style-type: none"> 1.3.1. Thành phần hóa học của không khí 1.3.2. Vệ sinh phòng chống khí độc 1.4. Tính chất sinh vật của môi trường không khí, vệ sinh phòng 	K1, K2, K3, K4

	<p>chống ô nhiễm vi sinh vật</p> <p>1.5. Thực tập, bài tập, thảo luận</p> <p>Nội dung thuyết trình/thảo luận: (2 tiết)</p> <p>Chuyên đề: Ô nhiễm môi trường không khí và hậu quả</p> <p>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (30 tiết)</p> <p>1- Tìm hiểu về hiện trạng ô nhiễm môi trường không khí ở Việt Nam và trên thế giới</p> <p>2- Các giải pháp nhằm hạn chế ô nhiễm môi trường không khí</p>	
4-6	<p>Chương 2. Vệ sinh môi trường nước dùng trong chăn nuôi, giết mổ, chế biến sản phẩm động vật</p> <p>A/ Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: (8 tiết)</p> <p>Nội dung GD lý thuyết: (6 tiết)</p> <p>Vai trò của nước đối với sản xuất và cơ thể động vật</p> <p>1.1. Các nguồn nước trong tự nhiên và khả năng tự làm sạch của nước</p> <p>1.1.1. Các nguồn nước tự nhiên và chất lượng vệ sinh</p> <p>1.1.2. Khả năng tự làm sạch của nước</p> <p>1.2. Tính chất vật lý của nước</p> <p>1.3. Tính chất hóa học của nước và các chất độc tồn dư trong nước</p> <p>1.3.1. Tính chất hóa học của nước</p> <p>1.3.2. Tồn dư chất độc trong nước</p> <p>1.4. Tính chất sinh vật học của nước</p> <p>1.5. Biện pháp xử lý nước dùng trong chăn nuôi, giết mổ</p> <p>1.6. Thực tập, bài tập, thảo luận</p> <p>Nội dung thuyết trình/thảo luận: (2 tiết)</p> <p>Chuyên đề: Ô nhiễm môi trường nước và hậu quả</p> <p>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (30 tiết)</p> <p>Thực trạng ô nhiễm nguồn nước ở Việt Nam, giải pháp khắc phục</p>	K1, K2, K3, K4
7	<p>Chương 3. Vệ sinh môi trường đất</p> <p>A/ Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: (3 tiết)</p> <p>Nội dung GD lý thuyết: (3 tiết)</p> <p>3.1. Khái niệm và ý nghĩa vệ sinh môi trường đất</p> <p>3.2. Tính chất vật lý của đất</p> <p>3.2. Tính chất hóa học của đất quan hệ với đời sống động vật</p> <p>3.3. Tính chất sinh vật học của đất</p> <p>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (15 tiết)</p> <p>Tìm hiểu về tình hình ô nhiễm môi trường đất ở nước ta hiện nay</p>	K1, K3, K4
7	<p>Chương 4. Vệ sinh chuồng nuôi, cơ sở giết mổ, chế biến sản phẩm động vật</p> <p>A/ Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: (3 tiết)</p> <p>Nội dung GD lý thuyết: (3 tiết)</p>	K1, K3, K4

<p>1.1. Các nguyên tắc vệ sinh xây dựng chuồng trại, cơ sở giết mổ, chế biến sản phẩm động vật</p> <p>1.1.1. Các nguyên tắc vệ sinh xây dựng chuồng trại</p> <p>1.1.2. Các nguyên tắc vệ sinh xây dựng cơ sở giết mổ, chế biến sản phẩm động vật</p> <p>1.2. Vật liệu xây dựng</p> <p>1.3. Ánh sáng và thông thoáng</p>	
<p>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (15 tiết)</p> <p>Tìm hiểu mô hình trang trại, cơ sở giết mổ chế biến sản phẩm động vật ở địa phương</p>	

IX. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần:

- Phòng học, thực hành: có đủ không gian, tủ hút hóa chất, thiết bị dụng cụ và vật tư tối thiểu cho việc dạy và học
 - Phương tiện phục vụ giảng dạy: có máy chiếu đa phương tiện, kết nối internet (LAN/wifi), hệ thống loa/micro và bảng viết (bút/phấn). Tất cả đều phải được bảo trì thường xuyên và luôn trong điều kiện hoạt động tốt.
 - Các phương tiện khác: bảng flipchart và giấy bút dùng cho việc báo cáo chuyên đề và thảo luận của sinh viên.

- E-learning, MS tea

X. Các đợt cǎ

Lân 1: 7/2020

Hà Nội, ngày 25 tháng 7 năm 2022

TRƯỞNG BỘ MÔN

(Ký và ghi rõ họ tên)


Hoàng Minh Đức

GIẢNG VIÊN BIÊN SOAN

(Ký và ghi rõ họ tên)

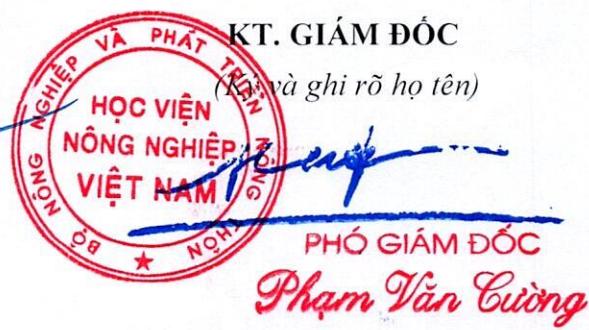

Nguyễn Phú Trọng

TRƯỜNG KHOA

(Ký và ghi rõ họ tên)



Bút Trần Anh Dao



PHỤ LỤC
THÔNG TIN VỀ ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN GIẢNG DẠY HỌC PHẦN

Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: Phạm Hồng Ngân	Học hàm, học vị: PGS.TS.
Địa chỉ cơ quan: Phòng 108, Bộ môn Thú y Cộng đồng, Khoa Thú y, Học viện Nông nghiệp Việt Nam, Trâu Quỳ - Gia Lâm – Hà Nội	Điện thoại: cq 04. 6261.7685, đđ: 0912.288.450
Email: phngan@vnua.edu.vn hoặc phngan2001@yahoo.com	Trang web:
Cách liên lạc với giảng viên: theo thứ tự ưu tiên email – điện thoại (SMS, gọi) – gặp trực tiếp	

Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: Nguyễn Thị Trang	Học hàm, học vị: TS
Địa chỉ cơ quan: Phòng 108, Bộ môn Thú y Cộng đồng, Khoa Thú y, Học viện Nông nghiệp Việt Nam, Trâu Quỳ - Gia Lâm – Hà Nội	Điện thoại: cq: 04. 6261 7685, đđ: 0981.689.696
Email: nguyentrang1611@gmail.com	Trang web:
Cách liên lạc với giảng viên: theo thứ tự ưu tiên email – điện thoại (SMS, gọi) – gặp trực tiếp	

Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: Cam Thị Thu Hà	Học hàm, học vị: ThS
Địa chỉ cơ quan: Phòng 108, Bộ môn Thú y Cộng đồng, Khoa Thú y, Học viện Nông nghiệp Việt Nam, Trâu Quỳ - Gia Lâm – Hà Nội	Điện thoại: cq: 04. 6261 7685 đđ: 0961 927288
Email: cttha@vnua.edu.vn	Trang web:
Cách liên lạc với giảng viên: theo thứ tự ưu tiên email – điện thoại (SMS, gọi) – gặp trực tiếp	

Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: Hoàng Minh Đức	Học hàm, học vị: ThS
Địa chỉ cơ quan: Phòng 108, Bộ môn Thú y Cộng	Điện thoại: cq: 04. 6261 7685, đđ:

đồng, Khoa Thú y, Học viện Nông nghiệp Việt Nam, Trâu Quỳ - Gia Lâm – Hà Nội	0982.649.386
Email: ducvetmed@yahoo.com	Trang web:
Cách liên lạc với giảng viên: theo thứ tự ưu tiên email – điện thoại (SMS, gọi) – gặp trực tiếp	

Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: Vũ Thị Thu Trà	Học hàm, học vị: TS
Địa chỉ cơ quan: Phòng 108, Bộ môn Thú y Cộng đồng, Khoa Thú y, Học viện Nông nghiệp Việt Nam, Trâu Quỳ - Gia Lâm – Hà Nội	Điện thoại: cq 04. 6261 7685, đđ: 0866173680
Email: thutra_ty48C@yahoo.com.vn	Trang web:
Cách liên lạc với giảng viên: theo thứ tự ưu tiên email – điện thoại (SMS, gọi) – gặp trực tiếp	